

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIUỘC
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2023/DS-ST
Ngày: 20-4-2023
V/v tranh chấp thừa kế quyền sử
dụng đất, yêu cầu hủy hợp đồng tặng
cho quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Huỳnh Thị Tuyết Hồng;
- Ông Nguyễn Thanh An.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Mộng Tuyền – Kiểm sát viên

Trong ngày 20 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2022/TLST-DS ngày: 14/3/2022 về “Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Văn Đ, sinh năm: 1951, cư trú: Ấp V, xã T, huyện C, tỉnh Long An (đã chết năm 2022).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đ:

1.1. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1955, cư trú: Ấp V, xã T, huyện C, tỉnh Long An; (có mặt)

1.2. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm: 1971, cư trú: Ấp K, xã M, huyện C, tỉnh Long An; (có mặt)

1.3. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm: 1975, cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An; (có mặt)

1.4. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1980, cư trú: Số C, Lê Minh X, phường H, quận T, thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt)

1.5. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1973, cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An; (có mặt)

1.6. Ông Nguyễn Văn N1, sinh năm: 1983, cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà N, ông H, ông N1:

- Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1955, cư trú: Ấp V, xã T, huyện C, tỉnh Long An; (có mặt)

- Ông Nguyễn Văn L, sinh năm: 1971, cư trú: Ấp K, xã M, huyện C, tỉnh Long An; (có mặt)

- Bà Nguyễn Thị P, sinh năm: 1975, cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An; (có mặt)

(Văn bản ủy quyền ngày 07/11/2022)

2. *Bị đơn*: Bà Phạm Thị C, sinh năm: 1942, cư trú: Ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Long An. (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà C là bà Nguyễn Thị Trúc M1, sinh năm: 1977, cư trú: Ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Long An (văn bản ủy quyền ngày 15/4/2022). (có mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An. Địa chỉ: Khu phố D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Anh Đ1.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ1: Ông Nguyễn Hoài T (vắng mặt)

3.2. Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Bích T1, địa chỉ: Khu phố H, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn D (vắng mặt)

3.3. Bà Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm: 1970, cư trú: Ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Long An. (có mặt)

3.4. Bà Nguyễn Thị Kim O, sinh năm: 1972, cư trú: Ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Long An. (có mặt)

3.5. Ông Nguyễn Thanh P1, sinh năm: 1980, cư trú: Ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Long An. (có mặt)

3.6 Bà Nguyễn Thị Phương H2, sinh năm: 1969, cư trú: Ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Long An. (vắng mặt)

3.7. Bà Nguyễn Thị Trúc M1, sinh năm: 1977, cư trú: Ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Long An. (có mặt)

3.8. Ông Nguyễn Tất H3, sinh năm: 1967, cư trú: Ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Long An. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông H3, bà H1, bà O, ông P1, bà H2 là bà Nguyễn Thị Trúc M1, sinh năm: 1977, cư trú: Ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Long An. (văn bản ủy quyền ngày 06/01/2023) (có mặt)

3.9. Ông Trần Trung K, sinh năm: 1960; cư trú: Ấp Đ, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (vắng mặt)

3.10. Ông Thạch Đ2, sinh năm: 1982, cư trú: Số C đường L, khóm E, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

Người làm chứng:

Bà Phan Thị Kim L1, sinh năm: 1960; (vắng mặt)

Bà Trần Thị T2, sinh năm: 1964; (vắng mặt)

Bà Nguyễn Thị Thanh T3, sinh năm: 1969; (vắng mặt)

Ông Phạm Văn M2, sinh năm: 1958; (vắng mặt)

Ông Trần Văn B, sinh năm: 1958; (vắng mặt)

Ông Huỳnh Văn R, sinh năm: 1953. (vắng mặt)

Cùng cư trú: Ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/11/2021, 08/3/2022, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 20/12/2022, và lời khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn ông Phạm Văn Đ thông qua người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng trình bày:

Cha mẹ của ông Phạm Văn Đ là cụ Phạm Văn T4, sinh năm: 1915, chết năm 1980 và cụ Nguyễn Thị B1, sinh năm: 1917, chết năm 1999. Cụ T4 và cụ B1 có 03 người con là bà Phạm Thị C (người con thứ 4), ông Phạm Văn Đ (người con thứ 8), bà Phạm Thị B2 (người con thứ 5). Những người con còn lại của cụ T4 và cụ B1 chết lúc nhỏ, sinh ra hai ba tháng thì mất. Bà Phạm Thị B2 chết năm 2005 và ông Phạm Văn Đ chết năm 2022. Cụ T4 và cụ B1 không có con nuôi. Cụ T4 và cụ B1 chết không có lập di chúc.

Di sản mà cụ T4 và cụ B1 để lại là 04 công nhỏ (diện tích công nhỏ 625m²) đất lúa và thửa đất 713, tờ bản đồ số 6, loại đất ONT, đất tại xã M, huyện C. Khi cụ T4 và cụ B1 còn sống không có nói phần tài sản của mình sẽ cho người con nào, chưa cho đất cho ai. Cụ T4 và cụ B1 quản lý, sử dụng các phần diện tích trên nhưng chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chưa đi đăng ký cấp giấy.

Sau khi cụ T4 chết thì phần đất tranh chấp vẫn còn căn nhà của cụ T4 ở đó, ông Đ và cụ Ba c ở một thời gian. Đến năm 1995, ông Đ và cụ B1 dỡ toàn bộ nhà trên thửa 713 về quê bà M3 là vợ ông Đ, để cất nhà ở xã T, huyện C sinh sống. Về sau, bà C cất nhà ở trên thửa 713 và trồng rau màu chứ không có bỏ gò trồng. Cụ T4, cụ B1 không có tặng cho quyền sử dụng đất cho bà B2.

Đối với diện tích 04 công nhỏ (diện tích công nhỏ 625m²) đất lúa: Cụ B1 là người quyết định bán đất khoảng một công rưỡi đất lúa cho ông Võ Văn N2, khi

đó ông Đ đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông Đ ký tên chuyển nhượng, còn cụ Ba không đứng tên bất kì thửa đất nào. Số tiền bán đất để trả chi phí làm đám ma của cụ Phạm Văn T4 và chi phí khác, đã dùng hết trước khi cụ B1 chết. Còn diện tích đất lúa còn lại thì ông Đ đã chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị T5, ông Đ là người đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông Đ ký bán, tiền bán đất để lo trị bệnh và chi phí đám tang cho cụ B1, số tiền này đã dùng hết. Hàng năm, vợ chồng ông Đ và bà M lo làm đám giỗ cho cụ T4, cụ B1 từ khi chết đến nay. Đám tang của cụ T4 và cụ B1 thì bà C không có hỗ trợ chi phí. Khi cụ B1 còn sống, cụ B1 có ở nhà em trai thứ 6 của cụ B1, đi qua lại giữa hai nhà chứ không ở hẳn nhà của người em thứ 6.

Khi cụ Nguyễn Thị B1 chết được 9 ngày, ông Đ và bà C có đến Ủy ban nhân dân xã M, theo đó, ông Đ thống nhất để bà C đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 713, ông Đ có nói bà C đến cất nhà ở trên đất nhưng chỉ cất một bên gò còn một bên không cất nhà. Việc bà C cất nhà trên thửa đất 713, ông Đ không phản đối gì. Năm 2002, bà C được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 713, ông Đ biết và không phản đối.

Tại đơn khởi kiện, ông Phạm Văn Đ yêu cầu Tòa án chia di sản của cụ Phạm Văn T4 và cụ Nguyễn Thị B1 chết để lại là quyền sử dụng thửa đất số 713, tờ bản đồ số 06, diện tích đất là 2024m², đất tại xã M, huyện C, tỉnh Long An. Ông Đ yêu cầu được nhận $\frac{1}{2}$ diện tích quyền sử dụng đất là 1012m².

Qua đo đạc thực tế, phần diện tích thửa 713, tờ bản đồ số 06 là 1752m². Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Phạm Văn Đ yêu cầu được nhận $\frac{1}{2}$ diện tích quyền sử dụng đất là 876m², trong đó đề nghị nhận hiện vật là đất đối với diện tích 685m² thuộc các thửa 1442, 1481, 1463, 1408; 1452, 1453, 1454, tờ bản đồ số 06 thuộc các vị trí: 04, 05, 09, 10; 12; 13; 14 của Mảnh trích đo địa chính do chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C duyệt ngày 06/10/2022. Riêng phần diện tích 191m² còn lại, đề nghị Tòa án chia giá trị theo kết quả định giá do Tòa án trưng cầu là 191 x 6.128.000 đồng = 1.170.448.000 đồng.

Do các thửa 1442, 1481, 1463, 1408; 1452, 1453, 1454, tờ bản đồ số 06 thuộc các vị trí: 04, 05, 09, 10; 12; 13; 14 của Mảnh trích đo địa chính do chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C duyệt ngày 06/10/2022, bà Phạm Thị C đã tặng cho các người con ruột nên đề nghị Tòa án hủy các hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất dưới đây, để xác định kỹ phần là của ông Phạm Văn Đ, gồm:

Hủy một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được Văn phòng C1 công chứng ngày 08/6/2020 giữa bà Phạm Thị C và bà Nguyễn Thị Trúc M1 đối với phần diện tích là 100m² thuộc một phần thửa 713 (số thửa mới là 1408), tờ bản đồ 06, loại đất ONT, đất tại xã M, huyện C, tỉnh Long An.

Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được Văn phòng C1 công chứng ngày 25/12/2020 giữa bà Nguyễn Thị Trúc M1 và bà Nguyễn Thị Phương H2 đối với phần diện tích là 100m² thuộc một phần thửa 1408 (số thửa mới là 1463), tờ bản đồ 06, loại đất ONT, đất tại xã M, huyện C, tỉnh Long An.

Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được Văn phòng C1 công chứng ngày 05/12/2020 giữa bà Phạm Thị C và bà Nguyễn Thị Kim O đối với phần diện tích là 95m² thuộc một phần thửa 713 (số thửa mới là 1453), tờ bản đồ 06, loại đất ONT, đất tại xã M, huyện C, tỉnh Long An.

Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được Văn phòng C1 công chứng ngày 05/12/2020 giữa bà Phạm Thị C và ông Nguyễn Tất H3 đối với phần diện tích là 95m² thuộc một phần thửa 713 (số thửa mới là 1452), tờ bản đồ 06, loại đất ONT, đất tại xã M, huyện C, tỉnh Long An.

Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được Văn phòng C1 công chứng ngày 05/12/2020 giữa bà Phạm Thị C và bà Nguyễn Thị Phương H2 đối với phần diện tích là 95m² thuộc một phần thửa 713 (số thửa mới là 1454), tờ bản đồ 06, loại đất ONT, đất tại xã M, huyện C, tỉnh Long An.

Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Bích T1 công chứng ngày 03/12/2020 giữa ông Nguyễn Thanh P1 và bà Nguyễn Thị Kim O đối với phần diện tích là 100m² thuộc một phần thửa 1407 (số thửa mới là 1442), tờ bản đồ 06, loại đất ONT, đất tại xã M, huyện C, tỉnh Long An.

Hủy một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được Văn phòng C1 công chứng ngày 08/6/2020 giữa bà Phạm Thị C và bà Nguyễn Thị Thu H1 đối với phần diện tích là 100m² thuộc một phần thửa 713 (số thửa mới là 1406), tờ bản đồ 06, loại đất ONT, đất tại xã M, huyện C, tỉnh Long An.

Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được Văn phòng C1 công chứng ngày 08/02/2021 giữa bà Nguyễn Thị Thu H1 cho ông Nguyễn Thanh P1 đối với phần diện tích là 100m² thuộc một phần thửa 1406 (số thửa mới là 1481), tờ bản đồ 06, loại đất ONT, đất tại xã M, huyện C, tỉnh Long An.

Các đương sự đều thống nhất với Mạnh trích đo bản đồ địa chính do Công ty TNHH Đ3 đo vẽ, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C duyệt ngày 06/10/2022 và Chứng thư thẩm định giá số Vc 2/10/145/BĐS-LA do Công ty cổ phần T6 lập.

Bị đơn bà Phạm Thị C có người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Trúc M1 trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Cha mẹ của bà Phạm Thị C là cụ Phạm Văn T4, sinh năm: 1915, chết năm 1980 và cụ Nguyễn Thị B1, sinh năm: 1917, chết năm 1999. Cụ T4 và cụ B1 có 03 người con là bà Phạm Thị C (người con thứ 4), ông Phạm Văn Đ (người con thứ 8), bà Phạm Thị B2 (người con thứ 5). Những người con còn lại của cụ T4 và cụ B1 chết lúc nhỏ, sinh ra hai ba tháng thì mất. Bà Phạm Thị B2, chết năm 2005 và ông Phạm Văn Đ, chết năm 2022. Cụ T4 và cụ B1 không có con nuôi. Cụ T4 và cụ B1 chết không có lập di chúc.

Khi còn sống, cha mẹ bà C có quản lý, sử dụng 05 công (01 công = 1000m²), đất lúa ông Đ canh tác, 02 công thổ thửa 713 bà Chuyên canh tác, còn hơn một công đất lúa nữa ông Đ canh tác nằm ở xóm trong. Cụ T4 và cụ B1

quản lý, sử dụng các phần diện tích trên nhưng chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chưa đi đăng ký cấp giấy. Trên phần đất thổ, cụ T4 và cụ B1 có xây dựng căn nhà để ở. Các công đất lúa có số thửa bao nhiêu bà C không biết, ông Đ đã bán hết các phần đất lúa mà ông Đ canh tác cho bà Nguyễn Thị T5 và ông Võ Văn N2. Trước khi cụ B1 chết, cụ B1 có nói ông Đ là cho bà C 01 công đất lúa nhưng ông Đ không thực hiện.

Năm 1984, sau khi cụ T4 chết thì ông Đ dỡ toàn bộ nhà của cha mẹ trên thửa 713, đem theo toàn bộ số cột gỗ, tranh, liễn, bàn ghế, bộ ván gỗ, đá tán...đem về xã T, chỉ còn gò trống, bỏ cỏ mọc không ai canh tác. Lúc cụ T4 còn khỏe thì cụ T4 đánh cụ B1 đổ máu đầu nên cụ B1 về nhà cậu ruột bà C ở ấp L sống đến khi cụ B1 bệnh. Cụ Ba bệnh thì bà C rước cụ B1 về chăm sóc 1- 2 tháng, sau đó ông Đ và vợ ông Đ rước cụ B1 về xã T ở được 6 -7 tháng thì cụ B1 chết.

Cụ T4, cụ Ba k cho đất bà B2. Còn bà C lấy chồng nhà ở gần sát nhà cha mẹ, sau khi cha chết đến năm 1987, cụ B1 nói bà C đến phần đất gò mà trước đây có căn nhà của cha mẹ để canh tác, khi bà C đến thì gò trống do ông Đ đã dỡ nhà đi. Vì lúc đó cụ B1 sợ gò quá rộng, vuông vức hình thể đẹp nếu không ai ở thì người khác sẽ đến ở nên cụ B1 nói bà C đến trồng rau màu kiếm tiền nuôi con, hàng xóm ai cũng biết điều này. Thời điểm này, bà C đến đất cật chồi trú mưa nắng sau đó tiến hành trồng rau màu, ông Đ biết cũng không có ý kiến gì, ông Đ biết vì ông Đ chưa có bán ruộng vẫn thường đi về giữa xã T và xã M canh tác lúa. Thửa đất 713, bà C đã tặng cho các con, bà C chỉ còn lại diện tích 714m², thuộc thửa đất 713, tờ bản đồ số 06, tọa lạc: Ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Long An.

Đám tang cụ B1, gia đình bà C không dự vì ông Đ không báo cho bà C biết. Hằng năm, bà C vẫn làm đám giỗ cụ T4 và cụ B1.

Qua yêu cầu khởi kiện của ông Đ, bà C không đồng ý. Thời điểm bà C quản lý thì cụ B1, ông Đ đều biết nhưng không có ý kiến phản đối. Đến năm 2002, bà C được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 713. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ thì bà C yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của cụ T4 chết để lại.

Bà C thống nhất với Mạnh trích đo bản đồ địa chính do Công ty TNHH Đ3 đo vẽ, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C duyệt ngày 06/10/2022 và Chứng thư thẩm định giá số Vc 2/10/145/BDS-LA do Công ty cổ phần T6 lập.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông H3, bà H1, bà O, ông P1, bà H2 thông qua bà Nguyễn Thị Trúc M1 đại diện trình bày không đồng ý các yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất liên quan đến một phần thửa đất 713 mà bà C đã tặng cho ông H3, bà H1, bà O, ông P1, bà H2. Ông H3, bà H1, bà O, ông P1, bà H2 yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Trúc M1 trình bày: Bà không đồng ý các yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất mà bà C đã tặng cho bà M1, giữa bà M1 cho bà Phương H2 liên quan đến một phần thửa đất 713.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Thạch Đ2 trình bày: Ông là con ruột của bà Phạm Thị B2. Ông không yêu cầu chia di sản thừa kế là thửa đất số 713, tờ bản đồ số 06, diện tích 2024m², đất tại xã M, huyện C, tỉnh Long An, yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Trung K trình bày: Ông là con ruột của bà Phạm Thị B2. Ông xác định phần đất ông Đ yêu cầu chia là thuộc quyền sử dụng đất của bà C và đề nghị Tòa án công nhận đất cho bà C, yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Bích T1 trình bày: Việc công chứng các hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất liên quan đến các phần diện tích tách từ thửa 713 được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục luật định, yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện C yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt trong các buổi làm việc, hòa giải, xét xử sơ thẩm và xét xử phúc thẩm vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc phát biểu:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Đ yêu cầu Tòa án chia di sản của cụ Phạm Văn T4 chết để lại là quyền sử dụng thửa đất số 713, tờ bản đồ số 06, loại đất ONT, đất tại xã M, huyện C, tỉnh Long An do hết thời hiệu khởi kiện.

Căn cứ vào lời trình bày của đương sự và các tình tiết, tài liệu, chứng cứ trong vụ án có cơ sở xác định quyền sử dụng thửa đất 713 không phải là di sản do cụ Phạm Văn T4, cụ Nguyễn Thị B1 để lại.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử: không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Đ đối với bà Phạm Thị C về chia thừa kế liên quan đến thửa đất 713, tờ bản đồ số 6, loại đất ONT, đất tọa lạc tại xã M, huyện C, tỉnh Long An, cụ thể ông Đ yêu cầu được nhận $\frac{1}{2}$ diện tích quyền sử dụng đất là 876m², trong đó đề nghị nhận hiện vật là đất đối với diện tích 685m² thuộc các thửa 1442, 1481, 1463, 1408; 1452, 1453, 1454, tờ bản đồ số 06 thuộc các vị trí: 04, 05, 09, 10; 12; 13; 14 của Mảnh trích đo địa chính do Công ty TNHH Đ3 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C duyệt ngày 06/10/2022; riêng phần diện tích 191m² còn lại, đề nghị Tòa án chia giá trị theo kết quả định giá do Tòa án trưng cầu là 191m² x 6.128.000 đồng = 1.170.448.000 đồng.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Đ về việc :

Hủy một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được Văn phòng C1 công chứng ngày 08/6/2020 giữa bà Phạm Thị C và bà Nguyễn Thị Trúc M1 đối với phần diện tích là 100m² thuộc một phần thửa 713 (số thửa mới là 1408), tờ bản đồ 06, loại đất ONT, đất tại xã M, huyện C, tỉnh Long An.

Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được Văn phòng C1 công chứng ngày 25/12/2020 giữa bà Nguyễn Thị Trúc M1 và bà Nguyễn Thị Phương H2 đối với phần diện tích là 100m² thuộc một phần thửa 1408 (số thửa mới là 1463), tờ bản đồ 06, loại đất ONT, đất tại xã M, huyện C, tỉnh Long An.

Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được Văn phòng C1 công chứng ngày 05/12/2020 giữa bà Phạm Thị C và bà Nguyễn Thị Kim O đối với phần diện tích là 95m² thuộc một phần thửa 713 (số thửa mới là 1453), tờ bản đồ 06, loại đất ONT, đất tại xã M, huyện C, tỉnh Long An.

Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được Văn phòng C1 công chứng ngày 05/12/2020 giữa bà Phạm Thị C và ông Nguyễn Tất H3 đối với phần diện tích là 95m² thuộc một phần thửa 713 (số thửa mới là 1452), tờ bản đồ 06, loại đất ONT, đất tại xã M, huyện C, tỉnh Long An.

Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được Văn phòng C1 công chứng ngày 05/12/2020 giữa bà Phạm Thị C và bà Nguyễn Thị Phương H2 đối với phần diện tích là 95m² thuộc một phần thửa 713 (số thửa mới là 1454), tờ bản đồ 06, loại đất ONT, đất tại xã M, huyện C, tỉnh Long An.

Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Bích T1 công chứng ngày 03/12/2020 giữa ông Nguyễn Thanh P1 và bà Nguyễn Thị Kim O đối với phần diện tích là 100m² thuộc một phần thửa 1407 (số thửa mới là 1442), tờ bản đồ 06, loại đất ONT, đất tại xã M, huyện C, tỉnh Long An.

Hủy một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được Văn phòng C1 công chứng ngày 08/6/2020 giữa bà Phạm Thị C và bà Nguyễn Thị Thu H1 đối với phần diện tích là 100m² thuộc một phần thửa 713 (số thửa mới là 1406), tờ bản đồ 06, loại đất ONT, đất tại xã M, huyện C, tỉnh Long An.

Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được Văn phòng C1 công chứng ngày 08/02/2021 giữa bà Nguyễn Thị Thu H1 cho ông Nguyễn Thanh P1 đối với phần diện tích là 100m² thuộc một phần thửa 1406 (số thửa mới là 1481), tờ bản đồ 06, loại đất ONT, đất tại xã M, huyện C, tỉnh Long An.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với bị đơn; phần đất tranh chấp tọa lạc tại xã M, huyện C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc theo quy định tại khoản 3, 5 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Ủy ban nhân dân huyện C, Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Bích T1, ông Thạch Đ2, ông Trần Trung K yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[1.3] Ông Phạm Văn Đ chết năm 2022, sau khi Tòa án thụ lý vụ án. Tòa án đã đưa những ông bà gồm bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn N1 tham gia tố tụng với tư cách người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đ. Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Phạm Văn Đ thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể đương sự yêu cầu chia kỹ phần di sản là nhận đất, và nhận tiền chứ không phải yêu cầu nhận đất như đơn yêu cầu độc lập trước đây. Việc thay đổi này không vượt quá yêu cầu ban đầu nên Hội đồng xét xử tiến hành xem xét.

[1.4] Các đương sự đều thống nhất với Mảnh trích đo bản đồ địa chính do Công ty TNHH Đ3 đo vẽ, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C duyệt ngày 06/10/2022 và Chứng thư thẩm định giá số Vc 2/10/145/BDS-LA do Công ty cổ phần T6 lập.

[1.5] Bà Phạm Thị C yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu đối với yêu cầu chia di sản của cụ T4 vì cụ T4 chết vào năm 1980. Đến ngày 23/11/ 2021, ông Đ mới khởi kiện yêu cầu chia thừa kế là đã hết thời hiệu khởi kiện 30 năm. Hội đồng xét xử áp dụng Án lệ số 26/2018/AL để xác định thời điểm bắt đầu tính thời hiệu và thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế là bất động sản. Thời hiệu yêu cầu chia di sản của cụ T4 được xác định từ thời điểm 10/9/1990- ngày Pháp lệnh thừa kế năm 1990 có hiệu lực, kéo dài 30 năm. Như vậy, tính đến ngày ông Đ nộp đơn khởi kiện thì thời hiệu chia di sản thừa kế của cụ T4 đã hết. Việc yêu cầu áp dụng thời hiệu của bà C được Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do hết thời hiệu khởi kiện.

[2] Về nội dung:

[2.1] Cụ Phạm Văn T4, sinh năm: 1915 (chết năm 1980) và cụ Nguyễn Thị B1, sinh năm: 1917 (chết năm 1999). Trước khi chung sống với nhau, cụ T4 và cụ B1 không có con riêng. Cụ T4 và cụ B1 có 03 người con gồm ông Phạm Văn Đ, bà Phạm Thị C, bà Phạm Thị B2. Cha mẹ của cụ T4, cụ B1 đã chết. Bà B2 đã chết năm 2005, chồng bà B2 đã chết, hiện có hai người con là Thạch Đ2 và Trần Trung K. Cụ T4, cụ B1 trước khi chết đều không có lập di chúc.

[2.2] Cụ T4 và cụ B1 là hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn xác định di sản của cụ T4, cụ B1 chết để lại thừa đất số 713, tờ bản đồ số 06, đất tại xã M, huyện C, tỉnh Long An. Bà C thì cho rằng thừa đất 713 thuộc quyền sử dụng của bà, do bà đi đăng ký, kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

[2.3] Về nguồn gốc thừa đất 713:

[2.3.1] Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc đề nghị Ủy ban nhân dân huyện C cung cấp thông tin về việc cụ Phạm Văn T4 và cụ Nguyễn Thị B1 có được các giấy tờ theo quy định tại Điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014

của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai, liên quan đến thửa đất số 713, tờ bản đồ số 06, loại đất ONT, diện tích đất là 2024m², đất tại xã M, huyện C, tỉnh Long An hay không; việc cụ Phạm Văn T4 và cụ Nguyễn Thị B1 sử dụng thửa đất trên có vi phạm quy hoạch sử dụng đất hay không. Nội dung phúc đáp có nêu: Thửa đất 713, tờ bản đồ số 6, đất tại xã M, huyện C thuộc quy hoạch đất ở nông thôn.

[2.3.2] Quá trình giải quyết vụ án, bà C và ông Đ đều xác nhận thửa đất 713 có nguồn gốc do cụ T4, cụ B1 canh tác, quản lý; tuy nhiên cụ T4, cụ B1 chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mẫu bìa trắng, cũng không có các giấy tờ theo quy định tại Điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014. Khi cụ T4, cụ B1 còn sống, trên thửa đất số 713 có căn nhà gắn liền đối với quyền sử dụng thửa đất này. Sau khi cụ T4 chết một thời gian thì ông Đ dỡ toàn bộ nhà, đem xác nhà về xã T xây lại, phần đất bỏ trống. Tuy bà C và ông Đ không thống nhất thời điểm dỡ nhà toàn bộ, nhưng đều xác định khi dỡ nhà thì cụ B1 vẫn còn sống. Sau đó, bà C vào quản lý phần đất, trước đây vốn là đất trồng, ao sâu, bốn phía là hào cạn, bà C đã san lấp và cải tạo để thửa đất 713 để có hiện trạng như hiện tại. Các đương sự đều thừa nhận khi bà C tiến hành quản lý, sử dụng đất thì cụ B1 còn sống và cả cụ B1, ông Đ không có ý kiến phản đối gì, đồng thời cũng phù hợp với xác nhận của những người hàng xóm mà Tòa án ghi lời khai về quá trình quản lý, sử dụng đất của bà C. Cụ Ba không tiến hành đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 713 từ sau khi cụ T4 chết năm 1980 đến trước thời điểm cụ B1 chết.

[2.3.3] Mặt khác, bà Phạm Thị C được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 713 vào năm 2002, thuộc trường hợp khai cấp giấy lần đầu, chứ không phải là dựa trên sự thỏa thuận phân chia di sản các đồng thừa kế của cụ T4, cụ B1 chết để lại. Ông Đ biết bà C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 713 nhưng không có ý kiến phản đối. Căn cứ vào Điều 2 Luật Đất đai năm 1993 việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Phạm Thị C là đúng quy định pháp luật.

Như vậy, kết hợp [2.3.1] [2.3.2] [2.3.3], vụ án này thuộc trường hợp người chết để lại quyền sử dụng đất mà người đó không có giấy tờ theo quy định tại Điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, di sản là nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất cũng không còn nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 612 Bộ luật dân sự năm 2015, tinh thần hướng dẫn của tiểu mục 1, mục II Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình xác định quyền sử dụng thửa đất 713 không phải là di sản do cụ Phạm Văn T4, cụ Nguyễn Thị B1 để lại.

[2.4] Do bà Phạm Thị C kê khai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 713 theo đúng quy định pháp luật nên việc bà C tặng cho quyền sử dụng đất cho các người con, tách từ thửa 713 là phù hợp.

[2.5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Đ đối với bà Phạm Thị C về chia thừa kế liên quan

đến thửa đất 713, tờ bản đồ số 6, loại đất ONT, đất tọa lạc tại xã M, huyện C, tỉnh Long An, cụ thể ông Đ yêu cầu được nhận $\frac{1}{2}$ diện tích quyền sử dụng đất là 876m^2 , trong đó đề nghị nhận hiện vật là đất đối với diện tích 685m^2 thuộc các thửa 1442, 1481, 1463, 1408; 1452, 1453, 1454, tờ bản đồ số 06 thuộc các vị trí: 04, 05, 09, 10; 12; 13; 14 của Mảnh trích đo địa chính do Công ty TNHH Đ3 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C duyệt ngày 06/10/2022; riêng phần diện tích 191m^2 còn lại, đề nghị Tòa án chia giá trị theo kết quả định giá do Tòa án trung cầu là $191\text{m}^2 \times 6.128.000 \text{ đồng} = 1.170.448.000 \text{ đồng}$.

Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Đ về việc :

Hủy một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được Văn phòng C1 công chứng ngày 08/6/2020 giữa bà Phạm Thị C và bà Nguyễn Thị Trúc M1 đối với phần diện tích là 100m^2 thuộc một phần thửa 713 (số thửa mới là 1408), tờ bản đồ 06, loại đất ONT, đất tại xã M, huyện C, tỉnh Long An.

Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được Văn phòng C1 công chứng ngày 25/12/2020 giữa bà Nguyễn Thị Trúc M1 và bà Nguyễn Thị Phương H2 đối với phần diện tích là 100m^2 thuộc một phần thửa 1408 (số thửa mới là 1463), tờ bản đồ 06, loại đất ONT, đất tại xã M, huyện C, tỉnh Long An.

Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được Văn phòng C1 công chứng ngày 05/12/2020 giữa bà Phạm Thị C và bà Nguyễn Thị Kim O đối với phần diện tích là 95m^2 thuộc một phần thửa 713 (số thửa mới là 1453), tờ bản đồ 06, loại đất ONT, đất tại xã M, huyện C, tỉnh Long An.

Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được Văn phòng C1 công chứng ngày 05/12/2020 giữa bà Phạm Thị C và ông Nguyễn Tất H3 đối với phần diện tích là 95m^2 thuộc một phần thửa 713 (số thửa mới là 1452), tờ bản đồ 06, loại đất ONT, đất tại xã M, huyện C, tỉnh Long An.

Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được Văn phòng C1 công chứng ngày 05/12/2020 giữa bà Phạm Thị C và bà Nguyễn Thị Phương H2 đối với phần diện tích là 95m^2 thuộc một phần thửa 713 (số thửa mới là 1454), tờ bản đồ 06, loại đất ONT, đất tại xã M, huyện C, tỉnh Long An.

Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Bích T1 công chứng ngày 03/12/2020 giữa ông Nguyễn Thanh P1 và bà Nguyễn Thị Kim O đối với phần diện tích là 100m^2 thuộc một phần thửa 1407 (số thửa mới là 1442), tờ bản đồ 06, loại đất ONT, đất tại xã M, huyện C, tỉnh Long An.

Hủy một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được Văn phòng C1 công chứng ngày 08/6/2020 giữa bà Phạm Thị C và bà Nguyễn Thị Thu H1 đối với phần diện tích là 100m^2 thuộc một phần thửa 713 (số thửa mới là 1406), tờ bản đồ 06, loại đất ONT, đất tại xã M, huyện C, tỉnh Long An.

Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được Văn phòng C1 công chứng ngày 08/02/2021 giữa bà Nguyễn Thị Thu H1 cho ông Nguyễn Thanh P1 đối

với phần diện tích là 100m² thuộc một phần thửa 1406 (số thửa mới là 1481), tờ bản đồ 06, loại đất ONT, đất tại xã M, huyện C, tỉnh Long An.

3. Chi phí tố tụng là 27.000.000 đồng. Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đ gồm bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn N1 phải chịu và đã nộp đủ.

4. Về án phí: Ông Phạm Văn Đ phải chịu án phí dân sự theo quy định. Tuy nhiên, ông Đ khi nộp đơn khởi kiện thuộc diện người cao tuổi và đã chết nên người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đ được miễn án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3, 5 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, điểm e Khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218, Điều 227, Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Án lệ số 26/2018/AL về xác định thời điểm bắt đầu tính thời hiệu và thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế là bất động sản;

Áp dụng Điều 2 Luật Đất đai năm 1993; Điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai

Áp dụng Điều 612 Bộ luật Dân sự;

Áp dụng Khoản 1 Điều 12, Khoản 3 Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Đ yêu cầu Tòa án chia di sản của cụ Phạm Văn T4 chết để lại là quyền sử dụng thửa đất số 713, tờ bản đồ số 06, loại đất ONT, đất tại xã M, huyện C, tỉnh Long An.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Đ đối với bà Phạm Thị C về chia thừa kế liên quan đến thửa đất 713, tờ bản đồ số 6, loại đất ONT, đất tọa lạc tại xã M, huyện C, tỉnh Long An, cụ thể ông Đ yêu cầu được nhận $\frac{1}{2}$ diện tích quyền sử dụng đất là 876m², trong đó đề nghị nhận hiện vật là đất đối với diện tích 685m² thuộc các thửa 1442, 1481, 1463, 1408; 1452, 1453, 1454, tờ bản đồ số 06 thuộc các vị trí: 04, 05, 09, 10; 12; 13; 14 của Mảnh trích đo địa chính do Công ty TNHH Đ3 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C duyệt ngày 06/10/2022; riêng phần diện tích 191m² còn lại, đề nghị Tòa án chia giá trị theo kết quả định giá do Tòa án trưng cầu là 191m² x 6.128.000 đồng = 1.170.448.000 đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Đ về việc:

Hủy một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được Văn phòng C1 công chứng ngày 08/6/2020 giữa bà Phạm Thị C và bà Nguyễn Thị Trúc M1 đối với phần diện tích là 100m² thuộc một phần thửa 713 (số thửa mới là 1408), tờ bản đồ 06, loại đất ONT, đất tại xã M, huyện C, tỉnh Long An.

Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được Văn phòng C1 công chứng ngày 25/12/2020 giữa bà Nguyễn Thị Trúc M1 và bà Nguyễn Thị Phương H2 đối với phần diện tích là 100m² thuộc một phần thửa 1408 (số thửa mới là 1463), tờ bản đồ 06, loại đất ONT, đất tại xã M, huyện C, tỉnh Long An.

Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được Văn phòng C1 công chứng ngày 05/12/2020 giữa bà Phạm Thị C và bà Nguyễn Thị Kim O đối với phần diện tích là 95m² thuộc một phần thửa 713 (số thửa mới là 1453), tờ bản đồ 06, loại đất ONT, đất tại xã M, huyện C, tỉnh Long An.

Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được Văn phòng C1 công chứng ngày 05/12/2020 giữa bà Phạm Thị C và ông Nguyễn Tất H3 đối với phần diện tích là 95m² thuộc một phần thửa 713 (số thửa mới là 1452), tờ bản đồ 06, loại đất ONT, đất tại xã M, huyện C, tỉnh Long An.

Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được Văn phòng C1 công chứng ngày 05/12/2020 giữa bà Phạm Thị C và bà Nguyễn Thị Phương H2 đối với phần diện tích là 95m² thuộc một phần thửa 713 (số thửa mới là 1454), tờ bản đồ 06, loại đất ONT, đất tại xã M, huyện C, tỉnh Long An.

Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Bích T1 công chứng ngày 03/12/2020 giữa ông Nguyễn Thanh P1 và bà Nguyễn Thị Kim O đối với phần diện tích là 100m² thuộc một phần thửa 1407 (số thửa mới là 1442), tờ bản đồ 06, loại đất ONT, đất tại xã M, huyện C, tỉnh Long An.

Hủy một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được Văn phòng C1 công chứng ngày 08/6/2020 giữa bà Phạm Thị C và bà Nguyễn Thị Thu H1 đối với phần diện tích là 100m² thuộc một phần thửa 713 (số thửa mới là 1406), tờ bản đồ 06, loại đất ONT, đất tại xã M, huyện C, tỉnh Long An.

Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được Văn phòng C1 công chứng ngày 08/02/2021 giữa bà Nguyễn Thị Thu H1 cho ông Nguyễn Thanh P1 đối với phần diện tích là 100m² thuộc một phần thửa 1406 (số thửa mới là 1481), tờ bản đồ 06, loại đất ONT, đất tại xã M, huyện C, tỉnh Long An.

4. Chi phí đo đạc, định giá, thẩm định tại chỗ là 27.000.000 đồng. Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đ gồm bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn N1 phải chịu và đã nộp đủ.

5. Về án phí: Ông Phạm Văn Đ phải chịu án phí dân sự theo quy định. Tuy nhiên, ông Đ khi nộp đơn khởi kiện thuộc diện người cao tuổi và đã chết nên người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đ được miễn án phí theo quy định.

6. Về quyền kháng cáo: Bản án sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THADS huyện Cần Giuộc;
- Đương sự;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Vân

